

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST

Ngày: 26/10/2023

*“Tranh chấp hợp đồng tín dụng và
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Định

Ông Lê Như Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023 TLST-KDTM, ngày 09 tháng 5 năm 2023, về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng và vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T MCP TP H C M

Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị M, phường B, quận 1, thành phố H C M.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bùi Quốc H, sinh năm 1990 và ông Lê Chí Th, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: 318-320 Quốc lộ 1A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/6/2021 Ngân hàng và chị Phạm Thị Thanh T ký hợp đồng tín dụng, cho chị T vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, đến ngày 26/6/2026, mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 22/6/2021 Ngân hàng và chị T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 523, tờ bản đồ số 10, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 777162 do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2013 cấp cho ông Phạm Trung T và bà Nguyễn Thị Kim H và được Văn phòng đăng ký đất đai điều chỉnh để thừa kế cho chị Phạm Thị Thanh T vào ngày 27/5/2020.

Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến hạn như đã thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết. Cụ thể, chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi từ kỳ trả nợ ngày 23/12/2022. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T trả nợ gốc và lãi phát sinh đến khi xét xử, trường hợp không thanh toán được đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là thửa số 523, tờ bản đồ số 10, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 777162 do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2013. Ngoài ra ngày 07/7/2021 chị T và Ngân hàng có ký hợp đồng để ngân hàng cấp thẻ tín dụng cá nhân, cho chị T vay với số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hiện còn nợ tiền gốc là 15.915.679 đồng, nay yêu cầu trả tiền gốc và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử vụ án.

Bị đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày: Ngày 22/6/2021 chị có vay ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, đến ngày 26/6/2026, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi bò. Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 22/6/2021 chị và ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 523, tờ bản đồ số 10, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 777162 do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2013 cho ông Phạm Trung T và bà Nguyễn Thị Kim H và được Văn phòng đăng ký đất đai điều chỉnh để thừa kế cho chị vào ngày 27/5/2020. Chị T thừa nhận có vay ngân hàng và bảo đảm bằng tài sản là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 10. Tuy nhiên, nay do công việc chăn nuôi không đạt kết quả nên đến nay chưa trả được nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng. Ngoài ra ngày 07/7/2021 chị và Ngân hàng có ký hợp đồng để ngân hàng cấp thẻ tín dụng cá nhân, cho chị vay số tiền 20.000.000 đồng, hiện nay chị còn nợ tiền gốc là 15.915.679 đồng và lãi suất như ngân hàng yêu cầu. Nay, ngân hàng khởi kiện chị đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện tại rất khó khăn.

Tại phiên tòa nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 317, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về khoản vay của hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và khoản vay của hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng và vay tài sản.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng: Ngày 22/6/2021 Ngân hàng TMCP PT TP H C M và chị Phạm Thị Thanh T ký hợp đồng tín dụng số 23/21PGDTA/HĐTD cho chị T vay số tiền 400.000.000 đồng, đã được ngân hàng giải ngân số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn nuôi bò, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10.5%/năm. Để bảo đảm cho khoản vay này, chị T và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23/21PGDTA/HĐTD, dùng tài sản để bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 523, tờ bản đồ số 10, diện tích 256,4m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 777162 do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2013 đứng tên ông Phạm Trung T và bà Nguyễn Thị Kim H, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký xác nhận để thừa kế cho chị Phạm Thị Thanh T ngày 27/5/2020. Hợp đồng thế chấp trên được công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định pháp luật.

Hợp đồng giữa ngân hàng và chị T ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, dù đã quá hạn trả tiền gốc và lãi hàng tháng (từ ngày 23/11/2022) nhưng bị đơn chị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh là vi phạm Điều 2 của hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản vay gốc, lãi suất trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử là 459.394.471 đồng (gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.305.603 đồng, lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và lãi chậm trả 29.088.868 đồng) của hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

Đối với khoản vay của hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân: Ngày 07/7/2021 chị T và Ngân hàng ký hợp đồng để ngân hàng cấp thẻ tín dụng cá nhân, cho chị T vay với số tiền 20.000.000 đồng, quá trình sử dụng chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng, hiện còn nợ tiền gốc là 15.915.679 đồng và lãi suất phát sinh, điều này cũng được chị T thừa nhận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 15.915.679 đồng và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử là 10.725.497 đồng, tổng cộng 26.641.176 đồng, là có căn cứ.

[4] Từ những căn cứ và phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu.

Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 23.707.836 đồng, trong đó án phí kinh doanh thương mại 22.375.778 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 1.332.058 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng chi T phải chịu, nguyên đơn đã tạm ứng đủ nên bị đơn chi T phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 317, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 227, 228, Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT TP H C M..

- Buộc bị đơn chi Phạm Thị Thanh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT TP H C M số tiền 459.394.471 đồng (trong đó gốc 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.305.603 đồng, lãi quá hạn đối với quá hạn gốc và lãi chậm trả 29.088.868 đồng) về khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 23 ngày 22/6/2021.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 23/21PGDTA/HĐTD đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 523, tờ bản đồ số 10, diện tích 256,4m² tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 777162 do UBND huyện T cấp ngày 26/3/2013 đứng tên ông Phạm Trung T và bà Nguyễn Thị Kim H, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký xác nhận để thừa kế cho chị Phạm Thị Thanh T ngày 27/5/2020.

- Buộc bị đơn chi Phạm Thị Thanh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT TP H C M số tiền 26.641.176 đồng (trong đó tiền gốc 15.915.679 đồng, lãi suất phát sinh 10.725.497 đồng) về khoản vay của Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 07/7/2021.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 23.707.836 đồng, trong đó án phí kinh doanh thương mại 22.375.778 đồng, án phí dân sự 1.332.058 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP PT TP H C M 10.760.803 đồng theo Biên lai thu tiền 0009589 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng chị T phải chịu, nguyên đơn đã tạm ứng đủ nên bị đơn chị T phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy An;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong